

Số: 07/2018/NQ-HĐND

Yên Bái, ngày 10 tháng 4 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

**VỀ VIỆC HỖ TRỢ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC, LAO ĐỘNG HỢP ĐỒNG THÔI
VIỆC THEO NGUYỆN VỌNG**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI
KHÓA XVIII - KỲ HỌP THÚ 9 (CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Bộ Luật lao động ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Việc làm ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội ngày 20 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 46/2010/NĐ-CP ngày 27 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về thôi việc và thủ tục nghỉ hưu đối với công chức;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Xét Tờ trình số 26/TTr-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng thời việc theo nguyện vọng; Báo cáo thẩm tra số 24/BC-BPC ngày 09 tháng 4 năm 2018 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định chế độ hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng thời việc theo nguyện vọng, như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh

Chế độ hỗ trợ này áp dụng trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị của tỉnh Yên Bái.

2. Đối tượng áp dụng

- a) Cán bộ, công chức trong các cơ quan, tổ chức của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội từ cấp tỉnh đến cấp xã;
- b) Cán bộ, viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội từ cấp tỉnh đến cấp huyện;
- c) Người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động không xác định thời hạn quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17/11/2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp;
- d) Người làm việc trong biên chế được cơ quan có thẩm quyền giao tại các hội, các quỹ.

3. Đối tượng không áp dụng

- a) Các đối tượng thuộc diện giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ về chính sách tinh giản biên chế;
- b) Cán bộ, công chức, viên chức, người lao động còn dưới 12 tháng đến tuổi nghỉ hưu theo quy định của pháp luật;
- c) Cán bộ, công chức, viên chức chưa làm việc đủ thời gian cam kết với cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền khi được cử đi đào tạo, bồi dưỡng hoặc khi được hưởng chính sách ưu đãi, thu hút của tỉnh;
- d) Công chức, viên chức có trình độ tiến sỹ; thạc sỹ; bác sĩ; dược sĩ đại học trở lên;
- đ) Các đối tượng đang trong thời gian thực hiện việc luân chuyển, biệt phái; đang bị xem xét kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; chưa hoàn thành việc thanh toán các khoản tiền, tài sản thuộc trách nhiệm của cá nhân đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị.

4. Điều kiện áp dụng

Trong quá trình các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện sắp xếp tổ chức, bộ máy, tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, các đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều này có nguyện vọng thôi việc và được cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền đồng ý bằng văn bản.

5. Mức hỗ trợ

Đối tượng thôi việc theo nguyện vọng quy định tại Khoản 2 Điều này, ngoài được hưởng các chế độ thôi việc theo quy định của pháp luật còn được tính hỗ trợ một lần với mức 500.000 đồng/01 tháng làm việc có đóng bảo hiểm xã hội (kể cả thời gian làm việc ngoài tỉnh). Mức hỗ trợ tối đa không quá 150.000.000 đồng/người.

6. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện chế độ hỗ trợ sử dụng từ nguồn ngân sách địa phương.

7. Thời gian thực hiện

Chế độ hỗ trợ quy định tại Nghị quyết này được áp dụng từ ngày 01 tháng 5 năm 2018 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái khóa XVIII, Kỳ họp thứ 9 (chuyên đề) thông qua ngày 10 tháng 4 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 5 năm 2018./.

CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực tinh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND các huyện, thị xã, thành phố;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố;
- Văn phòng UBND tỉnh (đăng Công báo);
- Chánh, Phó Chánh Văn phòng HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, CV^{PC}.

Phạm Thị Thanh Trà

